Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 29.08.2019 15:36:37 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập-Tự do-Hạnh phúc
Số: 1840 /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 26 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Tài nguyên và Môi trường thực hiện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/ND-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Tây Ninh Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4620/TTr-STNMT ngày 22 tháng 8 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Tài nguyên và Môi trường thực hiện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh nhập và đăng tải dữ liệu các TTHC lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm truy cập vào địa chỉ **http://tthc.tayninh.gov.vn** và địa chỉ **http://csdl.thutuchanhchinh.vn** (ở mục Quyết định công bố) để tải toàn bộ nội dung các TTHC. Khẩn trương tham mưu hoàn thành việc xây dựng quy trình nội bộ giải quyết TTHC để làm cơ sở thiết lập quy trình điện tử trên hệ thống Một cửa điện tử tập trung của tỉnh. Đồng thời, chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật đầy đủ quy trình nội bộ giải quyết TTHC lên Cổng Dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ **http://dichvucong.tayninh.gov.vn** và quy trình điện tử giải quyết TTHC lên hệ thống một cửa tập trung tại địa chỉ **http://motcua.tayninh.gov.vn.** Niêm yết công khai tại địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC và thực hiện các TTHC này cho cá nhân, tổ chức đúng với nội dung đã công bố, công khai theo quy định.

Sở Thông tin và Truyền thông căn cứ danh mục TTHC, quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được công bố, công khai. Chủ trì hướng dẫn, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường cập nhật quy trình nội bộ giải quyết TTHC lên Cổng Dịch vụ công của tỉnh, cập nhật quy trình điện tử giải quyết TTHC lên Hệ thống Một cửa điện tử tập trung. Đồng thời tham mưu vận hành, điều chỉnh các hệ thống liên quan đảm bảo thông suốt, thuận lợi trong việc tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cơ sở Dữ liệu về TTHC theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2045/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Tài nguyên và Môi trường thực hiện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, HĐND và UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC- VPCP;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, HCC;
- Lưu: VT, VP đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

20b

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Chiến

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1840/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2019)

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
I	**CẤP TỈNH (79 THỦ TỤC)**								
01	Thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	Đất đai	Không quá 30 ngày	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Không có	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Đầu tư năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT;	x	
02	Thủ tục giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá	Đất đai	Không quá 20 ngày	16 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phụ lục 1 kèm theo (1)	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Đầu tư năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
	quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao				tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)		CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Quyết định 63/2016/QĐ-UBND;		
03	Thủ tục giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư	Đất đai	Không quá 20 ngày	16 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Phụ lục 1 kèm theo (1)	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Đầu tư năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Quyết định 63/2016/QĐ-	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
	xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao						UBND;		
04	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức	Đất đai	Không quá 15 ngày	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Phụ lục 1 kèm theo (1)	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Đầu tư năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Quyết định 63/2016/QĐ-UBND;	x	
05	Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự	Đất đai	Không quy định	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không có	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Đầu tư năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
	nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)		CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT;		
06	Thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng	Đất đai	Không quy định	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Không có	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Đầu tư năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT;	x	
07	Thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Đất đai	30 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm	Không có	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT;	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
					Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)		- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT. - Quyết định số 51/2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND.		
08	Thủ tục đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	Đất đai	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Phụ lục 2 kèm theo (2)	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sonmt.tayninh.gov.vn)*
							BTNMT. - Thông tư liên tịch số 88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT; - Quyết định số 51/2015/QĐ-UBND. - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND. - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND.		
09	Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Đất đai	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Phụ lục 2 kèm theo (2)	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT.	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
							- Thông tư liên tịch số 88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT; - Quyết định số 51/2015/QĐ-UBND. - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND. - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND.		
10	Thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	Đất đai	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Phụ lục 2 kèm theo (2)	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT. - Thông tư liên tịch số 88/2016/	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
							TTLT/BTC-BTNMT; - Quyết định số 51/2015/QĐ-UBND. - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND. - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND.		
11	Thủ tục đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất vào giấy chứng nhận đã cấp	Đất đai	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Phụ lục 2 kèm theo (2)	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT. - Thông tư liên tịch số 88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT;	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
							-Thông tư liên tịch số 02/2016/TT-BNNPTNT-BTNMT; - Quyết định số 51/2015/QĐ-UBND. - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND. - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND. - Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 26/3/2018.		
12	Thủ tục đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được nhà nước giao đất để quản lý	Đất đai	30 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Phụ lục 2 kèm theo (2)	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT.	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
							- Quyết định số 51/2015/QĐ-UBND. - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND.		
13	Thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	Đất đai	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Phụ lục 2 kèm theo (2)	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Nhà ở năm 2014; - Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 76/2015/NĐ-CP, - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT;	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
							- Quyết định số 51/2015/QĐ-UBND. - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND. - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND.		
14	Thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01/7/2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	Đất đai	30 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Phụ lục 2 kèm theo (2)	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT; - Quyết định số 51/2015/QĐ-	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
							UBND. - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND. - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND.		
15	Thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng	Đất đai	14 ngày làm việc	+ Chỉnh lý trang 4 GCN 10 ngày làm việc; + Cấp đổi GCN 14 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	- Cấp đổi: 50.000 đồng/giấy. - Chỉnh lý trang 4 GCN: 30.000 đồng/giấy.	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Nhà ở năm 2014; - Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Nghị định số 76/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
							BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 02/2016/TT-BNNPTNT-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND - Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 26/3/2018.		
16	Thủ tục bán hoặc góp vốn tài sản gắn liền với đất thuê của nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Đất đai	30 ngày làm việc	30 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	- Cấp đổi: 50.000 đồng/giấy. - Chỉnh lý trang 4 GCN: 30.000 đồng/giấy.	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Nhà ở năm 2014; - Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP;	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
							- Nghị định số 76/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 02/2016/TT-BNNPTNT-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND - Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 26/3/2018.		
17	Thủ tục xóa đăng ký cho	Đất đai	03 ngày	03 ngày	Trung tâm	- Cấp đổi:	- Luật Đất đai năm 2013;	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
	thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất		làm việc	làm việc	Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	50.000 đồng/giấy. - Chỉnh lý trang 4 GCN: 30.000 đồng/giấy.	- Luật Xây dựng năm 2014; Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND.		
18	Thủ tục đăng ký biến	Đất đai			Trung tâm	- Cấp đổi:	- Luật Đất đai năm 2013;	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
	động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; chuyển quyền sử dụng đất của hộ gia đình vào doanh nghiệp tư nhân		10 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	50.000 đồng/giấy. - Chỉnh lý trang 4 GCN: 30.000 đồng/giấy.	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Nhà ở năm 2014; - Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Nghị định số 76/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 02/2016/TT-BNNPTNT-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
							UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND - Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 26/3/2018.		
19	Thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	Đất đai	10 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	- Cấp đổi: 50.000 đồng/giấy. - Chỉnh lý trang 4 GCN: 30.000 đồng/giấy.	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
							TTLT/BTC-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND.		
20	Thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất đai	30 ngày làm việc	16 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	- Cấp đổi: 50.000 đồng/giấy. - Chỉnh lý trang 4 GCN: 30.000 đồng/giấy.	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
							UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND		
21	Thủ tục đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	Đất đai	10 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	- Cấp đổi: 50.000 đồng/giấy. - Chỉnh lý trang 4 GCN: 30.000 đồng/giấy.	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sommt.tayninh.gov.vn)*
							- Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND		
22	Thủ tục gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	Đất đai	07 ngày làm việc	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	- Cấp đổi: 50.000 đồng/giấy. - Chỉnh lý trang 4 GCN: 30.000 đồng/giấy.	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Đầu tư năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND.	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
23	Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa đất	Đất đai	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	- Cấp đổi: 50.000 đồng/giấy . - Chỉnh lý trang 4 GCN: 30.000 đồng/giấy .	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Quyết định số 51/2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND - Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND.	x	
24	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Đất đai	07 ngày làm việc do GCN bị ố, nhòe, 50	07 ngày làm việc do GCN bị ố, nhòe, 50	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm	50.000 đồng/giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Nhà ở năm 2014; - Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014;	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
25	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại trang bổ sung của giấy chứng nhận do bị mất	Đất đai	10 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	50.000 đồng/giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Nhà ở năm 2014; - Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - NĐ 140/2016/ NĐ-CP; - Nghị định số 76/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 02/2016/TT-BNNPTNT-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
							UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND - Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 26/3/2018.		
26	Thủ tục đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	Đất đai	10 ngày làm việc	- Trong ngày (đối với đính chính địa chỉ, thay đổi CMND). - Các trường hợp khác không quá 10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	- Cấp đổi: 50.000 đồng/giấy. - Chỉnh lý trang 4 GCN: 30.000 đồng/giấy.	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Nhà ở năm 2014; - Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Nghị định số 76/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
							TTLT/BTC-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 02/2016/TT-BNNPTNT-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND - Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 26/3/2018.		
27	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	Đất đai	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	- Cấp đổi: 50.000 đồng/giấy. - Chỉnh lý trang 4 GCN: 30.000 đồng/giấy.	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Nhà ở năm 2014; - Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Nghị định số 76/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT;	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
							- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 02/2016/TT-BNNPTNT-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND - Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 26/3/2018.		
28	Thủ tục đăng ký, xóa đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Đất đai	03 ngày làm việc	Trong ngày (trường hợp hồ sơ thế	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm	- Đăng ký: 80.000 đồng/trường hợp.	- Bộ Luật dân sự năm 2015 - Luật Đất đai năm 2013; - Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 83/2010/NĐ-CP,	x	3

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
				chấp phức tạp không quá 03 ngày làm việc)	Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	- Xóa đăng ký: 20.000 đồng/trường hợp. - Cung cấp thông tin về GDĐB: 30.000 đồng/trường hợp	- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP - Thông tư liên tịch số 09/2016/TT-BTP-BTNMT - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT -Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT –NHNN-BXD-BTP-BTNMT.		
29	Thủ tục đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Đất đai	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	- Cấp đổi: 50.000 đồng/giấy. - Chỉnh lý trang 4 GCN: 30.000 đồng/giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT;	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
						.	- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND.		
30	Thủ tục chuyển nhượng vốn đầu tư giá trị là quyền sử dụng đất	Đất đai	30 ngày làm việc	Chỉnh lý trang 4 GCN: 10 ngày làm việc; Cấp đổi GCN: 14 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	- Cấp đổi: 50.000 đồng/giấy . - Chỉnh lý trang 4 GCN: 30.000 đồng/giấy .	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
							BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND.		
31	Thủ tục cung cấp thông tin đất đai từ hồ sơ địa chính	Đất đai	03 ngày làm việc	- Trong ngày (đối với hồ sơ trích lục thửa đất tại chỗ). - Trường hợp phức tạp (như lục hồ sơ gốc, bản đồ,…) không quá 03 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	- File, đĩa, bản đồ, tọa độ địa chính: 200.000 đồng/lượt. - Tài liệu về đất đai: 100.000 đồng/lượt.	- Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP - Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT - Quyết định số 62/2016/QĐ-UBND.	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
				- Trường hợp cung cấp thông tin theo hợp đồng CCTT tổng thời gian theo thỏa thuận 02 bên					
32	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	Ngay trong ngày làm việc hoặc theo thời gian thống nhất với bên yêu cầu cung cấp	Trong ngày hoặc theo thời gian thống nhất với bên yêu cầu cung cấp	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Phụ lục 3 kèm theo (3)	- Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018; - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
33	Thủ tục cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản.	Khoáng sản	125 ngày	57 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Phụ lục 4 kèm theo (4)	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016.	x	
34	Thủ tục gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản.	Khoáng sản	50 ngày	30 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	*50% mức quy định tại Phụ lục 4 kèm theo* (4)	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016.	x	
35	Thủ tục chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản.	Khoáng sản	50 ngày	21 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành	*50% mức quy định tại Phụ lục 4 kèm theo* (4)	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Thông tư số 45/2016/TT-	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc http://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
					phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)		BTNMT ngày 26/12/2016; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016.		
36	Thủ tục trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc một phần diện tích thăm dò khoáng sản.	Khoáng sản	50 ngày	21 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Không có	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016.	x	
37	Thủ tục cấp Giấy phép khai thác khoáng sản.	Khoáng sản	115 ngày	37 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Phụ lục 5 kèm theo (5)	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016; - Thông tư số 03/2007/TT-BCN ngày 18 tháng 6 năm 2007.	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
38	Thủ tục gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản.	Khoáng sản	50 ngày	30 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	*50% mức quy định tại Phụ lục 5 kèm theo* (5)	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016;	x	
39	Thủ tục chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.	Khoáng sản	50 ngày	21 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	*50% mức quy định tại Phụ lục 5 kèm theo* (5)	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016;	x	
40	Thủ tục trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc một phần diện tích khai thác khoáng sản.	Khoáng sản	50 ngày	30 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành	Không có	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Thông tư số 45/2016/TT-	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
					phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)		BTNMT ngày 26/12/2016; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016;		
41	Thủ tục cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.	Khoáng sản	35 ngày	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	5.000.000 đồng/01 giấy phép	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016;	x	
42	Thủ tục gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.	Khoáng sản	50 ngày	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	2.500.000 đồng/01 giấy phép	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016;	x	
43	Thủ tục trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.	Khoáng sản	50 ngày	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không có	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
					tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)		- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016;		
44	Thủ tục phê duyệt trữ lượng khoáng sản	Khoáng sản	190 ngày	85 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Phụ lục 6 kèm theo (6)	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016;	x	
45	Thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản	Khoáng sản	123 ngày	48 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Không có	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016;	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
46	Thủ tục đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	Khoáng sản	165 ngày	75 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Không có	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016;	x	
47	Thủ tục đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	Khoáng sản	165 ngày	75 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Không có	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016;	x	
48	Thủ tục đăng ký khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích đất của dự án đầu tư xây dựng công trình đã được cơ quan nhà	Khoáng sản	57 ngày	18 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành	Không có	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Thông tư số 45/2016/TT-	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
	nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó.				phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)		BTNMT ngày 26/12/2016; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016;		
49	Thủ tục tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	Khoáng sản	Không quy định	Không quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Không có	- Điều 77, Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ; - Điểm c, khoản 2, Điều 60 và Khoản 6, Điều 2, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ;	x	
50	Thủ tục cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m^3/ngày đêm.	Tài nguyên nước	65 ngày	21 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Phụ lục 7 kèm theo (7)	- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014; - Thông tư số 08/2015/TT-BTNMT ngày 26/02/2015; - Thông tư số 59/2015/TT-	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
							BTNMT ngày 14/12/2015; - Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014; - Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016.		
51	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m^3/ngày đêm.	Tài nguyên nước	50 ngày	17 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	*50% mức quy định tại Phụ lục 7 kèm theo* (7)	- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014; - Thông tư số 08/2015/TT-BTNMT ngày 26/02/2015; - Thông tư số 59/2015/TT-BTNMT ngày 14/12/2015; - Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014; - Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016.	x	
52	Thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m^3/ngày đêm.	Tài nguyên nước	65 ngày	24 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm	Phụ lục 7 kèm theo (7)	- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013; - Nghị đinh số 82/2017/NĐ-CP	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
					Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)		ngày 17/7/2017; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014; - Thông tư số 08/2015/TT-BTNMT ngày 26/02/2015; - Thông tư số 59/2015/TT-BTNMT ngày 14/12/2015; - Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014; - Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 .		
53	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m^3/ngày đêm.	Tài nguyên nước	50 ngày	17 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	*50% mức quy định tại Phụ lục 7 kèm theo* (7)	- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013; - Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014; - Thông tư số 08/2015/TT-BTNMT ngày 26/02/2015; - Thông tư số 59/2015/TT-BTNMT ngày 14/12/2015; - Thông tư số 56/2014/TT-	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập:* https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)
							BTNMT ngày 24/9/2014; - Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016.		
54	Thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m^3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m^3/ngày đêm; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m^3/ ngày đêm.	Tài nguyên nước	65 ngày	24 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Phụ lục 8 kèm theo (8)	- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013; - Nghị đinh số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014; - Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014; - Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016.	x	
55	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng	Tài nguyên nước	50 ngày	17 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm	*50% mức quy định tại Phụ lục 8 kèm theo* (8)	- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013; - Nghị đinh số 82/2017/NĐ-CP	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập:* https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)
	thủy sản với lưu lượng dưới 2m^3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m^3/ngày đêm; Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m^3/ ngày đêm.				Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)		ngày 17/7/2017; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014; - Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014; - Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016.		
56	Thủ tục cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m^3/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m^3/ngày đêm đối với các hoạt động khác.	Tài nguyên nước	65 ngày	24 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Phụ lục 8 kèm theo (8)	- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013; - Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014; - Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014;	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
							- Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016.		
57	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m^3/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m^3/ngày đêm đối với các hoạt động khác.	Tài nguyên nước	50 ngày	17 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	*50% mức quy định tại Phụ lục 8 kèm theo* [8]	- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013; - Nghị đinh số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014; - Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014; - Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016.	x	
58	Thủ tục cấp lại giấy phép tài nguyên nước.	Tài nguyên nước	15 ngày	13 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Không có	- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013. - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014	x	
59	Thủ tục cấp phép hành	Tài	35 ngày	10 ngày	Trung tâm	700.000	- Luật Tài nguyên nước ngày	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
	nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ.	nguyên nước		làm việc	Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	đồng/01 hồ sơ	21/6/2012; - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014. - Quyết định số 57/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016.		
60	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ.	Tài nguyên nước	30 ngày	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	350.000 đồng/01 hồ sơ	- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012; - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014. - Quyết định số 57/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016.	x	
61	Thủ tục cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất.	Tài nguyên nước	11 ngày	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây	Không có	- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012; - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014. - Quyết định số 57/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016.	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
					Ninh, tỉnh Tây Ninh)				
62	Thủ tục lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh.	Tài nguyên nước	70 ngày	31 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Không có	- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013.	x	
63	Thủ tục chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên nước	25 ngày	22 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Không có	- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013.	x	
64	Thủ tục tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên nước	Không quy định	Không quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83,	Không có	- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013.	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://soinmt.tayninh.gov.vn)*
					đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)				
65	Thủ tục thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	Môi trường	30 ngày	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Phụ lục 9 kèm theo (9)	- Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015. - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015. - Quyết định số 59/2016/QĐ-UBND	x	
66	Thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt).	Môi trường	30 ngày	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Không có	- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015. - Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015. - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015.	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
67	Thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt)	Môi trường	30 ngày	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Không có	- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015. -Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015. - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015.	x	
68	Thủ tục cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án	Môi trường	30 ngày	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Không có	- Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015. - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015.	x	
69	Thủ tục xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	Môi trường	10 ngày	6,5 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm	Không có	- Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015. - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015.	x	3

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
					Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)				
70	Thủ tục thẩm định, phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết	Môi trường	25 ngày	17 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Phụ lục 9 kèm theo (9)	- Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015. - Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015. - Quyết định số 59/2016/QĐ-UBND.	x	
71	Thủ tục xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản	Môi trường	10 ngày	6,5 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Không có	- Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015. - Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015.	x	
72	Thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo,	Môi trường	35 ngày	23,5 ngày	Trung tâm Phục vụ hành	Không có	- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015.	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
	phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt)			làm việc	chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)		- Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015. - Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015. - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015.		
73	Thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt)	Môi trường	35 ngày	23,5 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Không có	- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015. - Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015. - Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015. - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015.	x	
74	Thủ tục xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo phục hồi môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt	Môi trường	40 ngày	27 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành	Không có	- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015. - Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015. - Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015.	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
	động khai thác khoáng sản				phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)				
75	Thủ tục chấp thuận điều chỉnh về quy mô, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, danh mục ngành nghề trong khu công nghiệp	Môi trường	20 ngày	13 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Không có	- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015. - Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015.	x	
76	Thủ tục cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại đối với trường hợp chủ nguồn thải không đăng ký tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH	Môi trường	20 ngày	13,5 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Không có	- Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015	x	3
77	Thủ tục cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại đối với trường	Môi trường	35 ngày	23,5 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không có	- Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015	x	3

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
	hợp chủ nguồn thải đăng ký tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH				tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)				
78	Thủ tục cấp lại sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại đối với trường hợp chủ nguồn thải không đăng ký tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH	Môi trường	20 ngày	13,5 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Không có	- Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015	x	3
79	Thủ tục cấp lại sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại đối với trường hợp chủ nguồn thải đăng ký tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH	Môi trường	35 ngày	23,5 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Không có	- Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015	x	3

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
II	**CẤP HUYỆN (38 THỦ TỤC)**								
01	Thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	Đất đai	Không quá 30 ngày	20 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không có	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Đầu tư năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT;	x	
02	Thủ tục giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	Đất đai	Không quá 20 ngày	16 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện	Phụ lục 1 kèm theo (1)	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Đầu tư năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Quyết định 63/2016/QĐ-UBND;	x	
03	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan	Đất đai	Không quá 15 ngày	15 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc	Phụ lục 1 kèm theo (1)	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Đầu tư năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
	nhà nước đối với hộ gia đình, cá nhân				Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện		CP; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Quyết định 63/2016/QĐ-UBND;		
04	Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người việt nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại việt nam	Đất đai	Không quy định	20 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không có	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Đầu tư năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT.	x	
05	Thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Đất đai	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng	Không có	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP;		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
					nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện		- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT - Quyết định số 51/2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND.		
06	Thủ tục đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	Đất đai	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện	Phụ lục 2 kèm theo (2)	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
							BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 02/2016/TT-BNNPTNT-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND - Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 26/3/2018.		
07	Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần	Đất đai	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và	Phụ lục 2 kèm theo (2)	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
	đầu				Ủy ban nhân dân cấp huyện		CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 02/2016/TT-BNNPTNT-BTNMT; - Quyết định số 51/2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND - Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 26/3/2018.		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sonmt.tayninh.gov.vn)*
08	Thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	Đất đai	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện	Phụ lục 2 kèm theo (2)	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 02/2016/TT-BNNPTNT-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
							UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND - Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 26/3/2018.		
09	Thủ tục đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất vào giấy chứng nhận đã cấp	Đất đai	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện	Phụ lục 2 kèm theo (2)	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT;	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://somt.tayninh.gov.vn)*
							- Thông tư liên tịch số 02/2016/TT-BNNPTNT-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND - Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 26/3/2018.		
10	Thủ tục đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được nhà nước giao đất để quản lý	Đất đai	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không có	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT;	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
							- Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND		
11	Thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	Đất đai	15 ngày làm việc	15 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện	Phụ lục 2 kèm theo (2)	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Nhà ở năm 2014; - Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Nghị định số 76/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
							88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 02/2016/TT-BNNPTNT-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND - Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 26/3/2018.		
12	Thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01/7/2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện	Đất đai	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện	Phụ lục 2 kèm theo (2)	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập:* https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)
	thủ tục chuyển quyền theo quy định						BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 02/2016/TT-BNNPTNT-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND - Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 26/3/2018.		
13	Thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho	Đất đai	14 ngày làm việc	- Chỉnh lý trang 4 GCN: 10 ngày làm việc;	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và	Phụ lục 2 kèm theo (2)	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Nhà ở năm 2014; - Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
	thuê, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng			- Cấp đổi GCN: 14 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp huyện		CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Nghị định số 76/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 02/2016/TT-BNNPTNT-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
							UBND - Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 26/3/2018.		
14	Thủ tục bán hoặc góp vốn tài sản gắn liền với đất thuê của nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Đất đai	30 ngày làm việc	30 ngày làm việc (10 ngày đăng ký biến động và 20 ngày thủ tục thuê đất)	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện	Phụ lục 2 kèm theo (2)	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Nhà ở năm 2014; - Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Nghị định số 76/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT;	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
							- Thông tư liên tịch số 88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 02/2016/TT-BNNPTNT-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND - Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 26/3/2018.		
15	Thủ tục xóa đăng ký cho thuê, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất	Đất đai	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện	Phụ lục 2 kèm theo (2)	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Nhà ở năm 2014; - Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP;	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
							- Nghị định số 76/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 02/2016/TT-BNNPTNT-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND - Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 26/3/2018.		
16	Thủ tục đăng ký biến	Đất đai	10 ngày	10 ngày	Bộ phận Tiếp	Phụ lục 2	- Luật Đất đai năm 2013;	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
	động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; chuyển quyền sử dụng đất của hộ gia đình vào doanh nghiệp tư nhân		làm việc	làm việc	nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện	kèm theo (2)	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Nhà ở năm 2014; - Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Nghị định số 76/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 02/2016/TT-BNNPTNT-BTNMT;		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
							- Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND - Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 26/3/2018.		
17	Thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp	Đất đai	14 ngày làm việc	- Chỉnh lý trang 4 GCN 10 ngày làm việc; - Cấp đổi GCN: 14 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện	Phụ lục 2 kèm theo (2)	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
	Giấy chứng nhận						TTLT/BTC-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 02/2016/TT-BNNPTNT-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND - Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 26/3/2018.		
18	Thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất đai	15 ngày làm việc	15 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện	Phụ lục 2 kèm theo (2)	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
							BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 02/2016/TT-BNNPTNT-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND - Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 26/3/2018.		
19	Thủ tục đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt	Đất đai	10 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và	Phụ lục 2 kèm theo (2)	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
	quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề				Ủy ban nhân dân cấp huyện		CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 02/2016/TT-BNNPTNT-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND - Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 26/3/2018.		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
20	Thủ tục gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	Đất đai	07 ngày làm việc	07 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện	Phụ lục 2 kèm theo (2)	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 02/2016/TT-BNNPTNT-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
							UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND - Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 26/3/2018.		
21	Thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	Đất đai	05 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện	Phụ lục 2 kèm theo (2)	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND	x	
22	Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa đất	Đất đai	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả	Phụ lục 2 kèm theo	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
					kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện	(2)	CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND		
23	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Đất đai	07 ngày làm việc do GCN bị ố, nhòe, 50 ngày làm việc	07 ngày làm việc do GCN bị ố, nhòe, 50 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân	Phụ lục 2 kèm theo (2)	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Nhà ở năm 2014; - Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP;	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sonmt.tayninh.gov.vn)*
			cấp đổi đồng loạt và 14 ngày làm việc nếu lồng ghép với thủ tục khác	cấp đổi đồng loạt và 14 ngày làm việc nếu lồng ghép với thủ tục khác	dân cấp huyện		- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Nghị định số 76/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 02/2016/TT-BNNPTNT-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
							- Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 26/3/2018.		
24	Thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	Đất đai	10 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện	Phụ lục 2 kèm theo (2)	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
							UBND		
25	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại trang bổ sung của giấy chứng nhận do bị mất	Đất đai	10 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện	Phụ lục 2 kèm theo (2)	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Nhà ở năm 2014; - Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Nghị định số 76/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT;	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sonmt.tayninh.gov.vn)*
							- Thông tư liên tịch số 02/2016/TT-BNNPTNT-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND - Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 26/3/2018.		
26	Thủ tục đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	Đất đai	10 ngày làm việc	- Trong ngày (đối với đính chính địa chỉ, thay đổi CMND). - Các trường hợp khác không quá 10 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện	Phụ lục 2 kèm theo (2)	Luật Đất đai 2013 - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Nhà ở năm 2014; - Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Nghị định số 76/2015/NĐ-CP;	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
							- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 02/2016/TT-BNNPTNT-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND - Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 26/3/2018.		
27	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định	Đất đai	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc	Phụ lục 2 kèm theo (2)	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Nhà ở năm 2014;	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
	của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện				Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện		- Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Nghị định số 76/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 02/2016/TT-BNNPTNT-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
							- Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND - Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 26/3/2018.		
28	Thủ tục đăng ký, xóa đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Đất đai	03 ngày làm việc	Trong ngày (trường hợp hồ sơ thế chấp phức tạp không quá 03 ngày làm việc)	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện	- Thế chấp: 80.000 đ/trường hợp; - Xóa TC: 20.000đ/TH; - Thay đổi nội dung: 60.000đ/TH; - Cung cấp thông tin: 30.000 đ/TH;	- Bộ Luật dân sự năm 2015 - Luật Đất đai năm 2013; - Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 83/2010/NĐ-CP, - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP - Thông tư liên tịch số 09/2016/TT-BTP-BTNMT - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số	x	3

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
						- Đăng ký xử lý TS: 30.000đ/ TH; - Cấp bản sao chứng nhận NDĐKG DBĐ: 25.000 đ/TH	01/2014/TTLT –NHNN-BXD-BTP-BTNMT.		
29	Thủ tục cung cấp thông tin đất đai từ hồ sơ địa chính	Đất đai	02 ngày làm việc	- Trong ngày (đối với hồ sơ trích lục thửa đất tại chỗ). - Trường hợp phức tạp (như lục hồ sơ gốc, bản đồ,…) không quá	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện	**- KV Đô thị:** 80.000 đ/hồ sơ, tài liệu. **- Khu vực nông thôn:** 40.000đ/ hồ sơ, tài liệu	- Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP - Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT - Quyết định số 62/2016/QĐ-UBND, - Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
				02 ngày làm việc.					
30	Thủ tục đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Đất đai	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện	Phụ lục 2 kèm theo (2)	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
							UBND .		
31	Thủ tục chuyển nhượng vốn đầu tư giá trị là quyền sử dụng đất	Đất đai	30 ngày làm việc	- Chỉnh lý trang 4 GCN: 10 ngày làm việc; - Cấp đổi GCN: 14 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không có	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
32	Thủ tục xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận	Đất đai	Không quy định	30 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không có	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND	x	
33	Thủ tục cấp Giấy chứng	Đất đai	Không	30 ngày	Bộ phận Tiếp	Không có	- Luật Đất đai năm 2013;	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
	nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích đất tăng thêm so với giấy tờ về quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất		quy định	làm việc	nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện		- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND		
34	Thủ tục đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất	Đất đai	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả	- Cấp đổi: 50.000	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP;	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
	phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền				kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện	đồng/giấy. - Chỉnh lý trang 4 GCN: 30.000 đồng/giấy.	- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND.		
35	Thủ tục trích lục bản đồ địa chính	Đất đai	Không quy định	Trong ngày (đối với hồ sơ phức tạp	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng	Phụ lục 10 kèm theo (10)	Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 51/2016/QĐ-	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
				thì không quá 02 ngày làm việc)	nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện		UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Tây Ninh		
36	Thủ tục trích đo địa chính thửa đất, trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính thửa đất	Đất đai	Không quy định	10 ngày làm việc. Đối với các xã: Hòa Hiệp, Trà Vong, Tân Bình, Thạnh Tây của UBND huyện Tân Biên và xã Bình Minh của thành phố Tây Ninh là 12 ngày làm việc (trừ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện	- Đối với khu vực chưa có bản đồ địa chính số chính quy: thu 100% theo Phụ lục 11 kèm theo (11) - Đối với khu vực đã có bản đồ địa chính số chính quy: thu 40% theo Phụ	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TN&MT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ TN&MT; - Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT ngày 20/7/2017 của Bộ TN&MT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
				các trường hợp hồ sơ trùng thửa, lộn thửa, sai vị trí đối với GCN QSDĐ được cấp theo hệ thống bản đồ cũ chưa được chỉnh lý qua bản đồ địa chính chính quy)		lục 11 kèm theo (11)	Bộ TN&MT; - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh Tây Ninh; - Quyết định số 1803/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh.		
37	Thủ tục xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản	Môi trường	10 ngày	6,5 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không có	- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015. - Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015.	x	
38	Thủ tục xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	Môi trường	10 ngày	6,5 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng	Không có	- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015. - Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015.	x	3

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
					Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện				
III	**CẤP XÃ (11 THỦ TỤC)**								
01	Thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Đất đai	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã	Không có	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT	x	
02	Thủ tục đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần		30 ngày làm việc	20 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã	Phụ lục 2 kèm theo (2)	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP;	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
	đầu	Đất đai					- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 02/2016/TT-BNNPTNT-BTNMT; - Quyết định số 51/ 2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND - Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 26/3/2018.		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://soinmt.tayninh.gov.vn)*
03	Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Đất đai	05 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã	Phụ lục 2 kèm theo (2)	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 02/2016/TT-BNNPTNT-BTNMT; - Quyết định số 51/2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
							UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND - Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 26/3/2018.		
04	Thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	Đất đai	05 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã	Phụ lục 2 kèm theo (2)	- Luật Đất đai năm 2013; - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 140/2016/ NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 02/2016/TT-BNNPTNT-	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
							BTNMT; - Quyết định số 51/2015/QĐ-UBND - Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND - Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 26/3/2018.		
05	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, QSHNƠ và tài sản khác gắn liền đối với diện tích đất tăng thêm so với giấy tờ về quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất	Đất đai	20 ngày làm việc	20 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã	Phụ lục 2 kèm theo (2)	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 88/2016/ TTLT/BTC-BTNMT;	x	
06	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại trang bổ sung của	Đất đai	35 ngày làm việc	35 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc	Phụ lục 2 kèm theo (2)	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2015/TT-	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
	giấy chứng nhận do bị mất				UBND cấp xã		BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT;		
07	Thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	Đất đai	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã	Phụ lục 2 kèm theo (2)	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT;	x	
08	Thủ tục tham vấn ý kiến báo cáo đánh giá tác động môi trường	Môi trường	15 ngày	10 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã	Không có	- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT;	x	
09	Thủ tục tham vấn ý kiến đề án bảo vệ môi trường chi tiết	Môi trường	10 ngày	6,5 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã	Không có	- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT;	x	
10	Thủ tục Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn	Môi trường	10 ngày	6,5 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả	Không có	- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP;	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI	TTHC thực hiện qua dịch vụ công mức độ 3,4 *(Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.tayninh.gov.vn hoặc https://sotnmt.tayninh.gov.vn)*
	giản.				kết quả thuộc UBND cấp xã		- Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT;		
11	Thủ tục Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	Môi trường	10 ngày	6,5 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã	Không có	- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT;	x	3

* Ghi chú:

- (1): **PHỤ LỤC 1 - PHÍ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT** *(theo Quyết định 63/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh).*

Số TT	Nội dung thu	Mức thu
1	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để sản xuất kinh doanh (mức tính theo diện tích):	
a	Dưới 10.000 m^2;	3.000.000 đồng/hồ sơ
b	Từ 10.000 m^2 đến dưới 100.000 m^2;	3.500.000 đồng/hồ sơ
c	Trên 100.000 m^2.	7.000.000 đồng/hồ sơ
2	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ở:	300.000 đồng/hồ sơ

- [2]: PHỤ LỤC 2 – LỆ PHÍ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT *(theo Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh).*

STT	Nội dung thu	Mức thu
I	**Đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường thuộc thành phố Tây Ninh**	
1	a) Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất:	
	Cấp mới	50.000 đồng/giấy
	Cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận	25.000 đồng/lần cấp
2	b) Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất):	
	Cấp mới	25.000 đồng/giấy
	Cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận	20.000 đồng/lần cấp
3	c) Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai	28.000 đồng/1 lần
4	d) Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	15.000 đồng/1 lần
5	đ) Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng:	
	Cấp mới	30.000 đồng/giấy
	Cấp lại, cấp đổi, xác nhận giấy chứng nhận	20.000 đồng/giấy
II	**Đối với hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực khác:**	
1	a) Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất:	
	Cấp mới	25.000 đồng/giấy
	Cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận	12.000 đồng/lần cấp
2	b) Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn	

	liền với đất):	
	Cấp mới	12.000 đồng/giấy
	Cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận	10.000 đồng/lần cấp
3	c) Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai	10.000 đồng/1 lần
4	d) Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	7.000 đồng/1 lần
5	đ) Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng:	
	Cấp mới	15.000 đồng/giấy
	Cấp lại, cấp đổi, xác nhận giấy chứng nhận	10.000 đồng/giấy
III	**Đối với tổ chức:**	
1	a) Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất:	
	Cấp mới	300.000 đồng/giấy
	Cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận	50.000 đồng/giấy
2	b) Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất):	
	Cấp mới	100.000 đồng/1 giấy
	Cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận	50.000 đồng/giấy
3	c) Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai	30.000 đồng/1 lần
4	d) Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	30.000 đồng/1 lần
5	đ) Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng:	
	Cấp mới	300.000 đồng/giấy

- [3]: **PHỤ LỤC 3 - PHÍ KHAI THÁC, SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ** *(theo Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Loại tư liệu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
I	**Bản đồ in trên giấy**			
1	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000 và lớn hơn	tờ	120.000	
2	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000	tờ	130.000	
3	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/50.000	tờ	140.000	
4	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/100.000 và nhỏ hơn	tờ	170.000	
5	Bản đồ hành chính Việt Nam	bộ	900.000	
6	Bản đồ hành chính cấp tỉnh	bộ	300.000	
7	Bản đồ hành chính cấp huyện	bộ	150.000	
II	**Bản đồ số dạng Vector**			
1	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2.000	mảnh	400.000	Nếu chọn lọc nội dung theo 7 lớp thông tin thì mức thu phí cho từng lớp như sau: a) Các lớp thông tin địa hình, dân cư, giao thông, thủy hệ: thu
2	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000	mảnh	440.000	
3	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000	mảnh	670.000	
4	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000	mảnh	760.000	
5	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/50.000	mảnh	950.000	

6	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/100.000	mảnh	2.000.000	bằng 1/7 mức thu theo mảnh nhân với hệ số 1,2; b) Các lớp cơ sở toán học, địa giới, thực vật: thu bằng 1/7 mức thu theo mảnh
7	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/250.000	mảnh	3.500.000	
8	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.000	mảnh	5.000.000	
9	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/1.000.000	mảnh	8.000.000	
10	Bản đồ hành chính Việt Nam	mảnh	4.000.000	
11	Bản đồ hành chính tỉnh	mảnh	2.000.000	
12	Bản đồ hành chính cấp huyện	mảnh	1.000.000	
III	**Bản đồ số dạng Raster**	Mức thu bằng 50% bản đồ số dạng vector cùng tỷ lệ		
IV	**Dữ liệu phim ảnh chụp từ máy bay**			
1	File chụp ảnh kỹ thuật số	file	250.000	
2	Phim quét độ phân giải 16 µm	file	250.000	
3	Phim quét độ phân giải 20 µm	file	200.000	
4	Phim quét độ phân giải 22 µm	file	150.000	
5	Bình đồ ảnh số tỷ lệ 1/2.000	mảnh	60.000	
6	Bình đồ ảnh số tỷ lệ 1/5.000	mảnh	60.000	
7	Bình đồ ảnh số tỷ lệ 1/10.000	mảnh	70.000	
8	Bình đồ ảnh số tỷ lệ 1/25.000	mảnh	70.000	
9	Bình đồ ảnh số tỷ lệ 1/50.000	mảnh	70.000	

V	**Giá trị điểm tọa độ**			
1	Cấp 0	điểm	340.000	
2	Hạng I	điểm	250.000	
3	Hạng II	điểm	220.000	
4	Hạng III, hạng IV	điểm	200.000	
5	Địa chính cơ sở	điểm	200.000	
VI	**Giá trị điểm độ cao**			
1	Hạng I	điểm	160.000	
2	Hạng II	điểm	150.000	
3	Hạng III	điểm	120.000	
4	Hạng IV	điểm	110.000	
VII	**Giá trị điểm trọng lực**			
1	Điểm cơ sở	điểm	200.000	
2	Điểm hạng I	điểm	160.000	
3	Điểm tựa	điểm	140.000	
4	Điểm chi tiết	điểm	80.000	
VIII	**Ghi chú điểm tọa độ, độ cao, trọng lực**	tờ	20.000	

IX	**Cơ sở dữ liệu nền địa lý**			
1	Cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/2.000	mảnh	400.000	Nếu chọn lọc nội dung theo 7 lớp thông tin thì mức thu phí cho từng lớp như sau: a) Các lớp thông tin địa hình, dân cư, giao thông, thủy hệ: thu bằng 1/7 mức thu theo mảnh nhân với hệ số 1,2; b) Các lớp cơ sở toán học, địa giới, thực vật: thu bằng 1/7 mức thu theo mảnh
2	Cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/5.000	mảnh	500.000	
3	Cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/10.000	mảnh	850.000	
4	Cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/50.000	mảnh	1.500.000	
5	Cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/1.000.000	mảnh	8.000.000	
6	Mô hình số độ cao độ chính xác cao xây dựng bằng công nghệ quét lidar đóng gói theo mảnh tỉ lệ 1/2.000 hoặc tỷ lệ 1/5.000	mảnh	200.000	
7	Mô hình số độ cao độ chính xác tương ứng với khoảng cao đều 0.5 mét đến 5 mét đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1/2.000 hoặc tỷ lệ 1/5.000	mảnh	80.000	
8	Mô hình số độ cao độ chính xác tương ứng với khoảng cao đều 5 mét đến 10 mét đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1/10.000	mảnh	170.000	
9	Mô hình số độ cao độ chính xác tương ứng với khoảng cao đều 5 mét đến 10 mét, đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1/50.000	mảnh	2.550.000	
10	Mô hình số độ cao độ chính xác tương ứng với khoảng cao đều 20 mét đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1/50.000	mảnh	300.000	
11	Cơ sở dữ liệu địa danh	địa danh	20.000	

- [4]: **PHỤ LỤC 4 - PHÍ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ CẤP PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN** *(theo Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính).*

STT	Nội dung thu	Mức thu
1	Diện tích nhỏ hơn 100ha	4.000.000 đồng/giấy
2	Diện tích từ 100 đến 50.000ha	10.000.000 đồng/giấy
3	Diện tích trên 50.000ha	15.000.000 đồng/giấy

- [5]: **PHỤ LỤC 5 - PHÍ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN** *(theo Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016của Bộ Tài chính).*

Số TT	Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản	Mức thu (đ/giấy)
1	Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối:	
a	Có công suất khai thác dưới 5.000 m^3/năm;	1.000.000
b	Có công suất khai thác từ 5.000 m^3 đến 10.000 m^3/năm;	10.000.000
c	Có công suất khai thác trên 10.000 m^3/năm.	15.000.000
2	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp:	
a	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m^3/năm;	15.000.000
b	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m^3/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m^3/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này;	20.000.000
c	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m^3/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này.	30.000.000
3	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng.	40.000.000
4	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã qui định tại điểm 1,2,3,6,7 của biểu mức thu này:	

a	Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;	40.000.000
b	Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.	50.000.000
5	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã qui định tại điểm 2,3,6 của biểu mức thu này.	60.000.000
6	Giấy phép khai thác khoáng sản quí hiếm.	80.000.000
7	Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại.	100.000.000

- [6]: **PHỤ LỤC 6 - PHÍ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN** *(theo Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính).*

STT	**Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế** (không bao gồm thuế GTGT)	**Mức thu**
1	Đến 01 tỷ đồng	10 triệu đồng
2	Trên 01 đến 10 tỷ đồng	10 triệu đồng + (0,5% x phần tổng chi phí trên 1 tỷ đồng)
3	Trên 10 đến 20 tỷ đồng	55 triệu đồng + (0,3% x phần tổng chi phí trên 10 tỷ đồng)
4	Trên 20 tỷ đồng	85 triệu đồng + (0,2% x phần tổng chi phí trên 20 tỷ đồng)

- [7]: **PHỤ LỤC 7 - PHÍ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ CẤP PHÉP THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT** *(theo Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh).*

STT	Lưu lượng	Phí thẩm định/01 hồ sơ (đồng)
1	Đối với đề án thiết kế giếng lưu lượng dưới 200m^3/ngày đêm	400.000
2	Đối với đề án thăm dò có lưu lượng từ 200m^3 đến dưới 500m^3/ngày đêm	1.000.000
3	Đối với đề án thăm dò có lưu lượng từ 500m^3 đến dưới 1.000m^3/ngày đêm	2.500.000
4	Đối với đề án thăm dò có lưu lượng từ 1.000m^3 đến dưới 3.000m^3/ngày đêm	5.000.000

- [8]: **PHỤ LỤC 8 - PHÍ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ CẤP PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT** *(theo Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND ngày* 20/12/2016 *của UBND tỉnh).*

STT	Lưu lượng	Phí thẩm định/01 hồ sơ (đồng)
1	Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho SX nông nghiệp với lưu lượng 0,1m^3/giây; hoặc để phát điện với công suất dưới 50kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 500 m^3/ngày đêm	500.000
2	Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho SX nông nghiệp từ 0,1m^3/giây đến dưới 0,5m^3/giây; hoặc để phát điện với công suất từ 50kw đến dưới 200kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500 m^3 đến dưới 3.000 m^3/ngày đêm	1.500.000
3	Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho SX nông nghiệp từ 0,5m^3/giây đến dưới 1m^3/giây; hoặc để phát điện với công suất từ 200 kw đến dưới 1.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3.000 m^3 đến dưới 20.000 m^3/ngày đêm	4.000.000
4	Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho SX nông nghiệp từ 1m^3/giây đến dưới 2m^3/giây; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 kw đến dưới 2.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000 m^3 đến dưới 50.000 m^3/ngày đêm	8.000.000

- [9]: **PHỤ LỤC 9 - PHÍ THẨM ĐỊNH ĐTM** *(theo Quyết định số 59/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền thẩm định báo cáo ĐTM trên địa bàn tỉnh Tây Ninh).*

- Mức thu phí đối với báo cáo ĐTM, đề án bảo vệ môi trường chi tiết lần đầu:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	Mức thu
Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường: Tổng vốn đầu tư:	
≤ 50 tỷ đồng	5 triệu đồng/1 báo cáo
>50 và ≤ 100 tỷ đồng	6 triệu đồng/1 báo cáo
>100 và ≤ 200 tỷ đồng	10 triệu đồng/1 báo cáo
>200 tỷ đồng	12 triệu đồng/1 báo cáo
Nhóm 2: Dự án công trình dân dụng: Tổng vốn đầu tư:	
≤ 50 tỷ đồng	6 triệu đồng/1 báo cáo
>50 và ≤ 100 tỷ đồng	8 triệu đồng/1 báo cáo
>100 và ≤ 200 tỷ đồng	12 triệu đồng/1 báo cáo
>200 tỷ đồng	16 triệu đồng/1 báo cáo
Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ thuật: Tổng vốn đầu tư:	
≤ 50 tỷ đồng	7 triệu đồng/1 báo cáo
>50 và ≤ 100 tỷ đồng	9 triệu đồng/1 báo cáo
>100 và ≤ 200 tỷ đồng	15 triệu đồng/1 báo cáo
>200 tỷ đồng	16 triệu đồng/1 báo cáo
Nhóm 4: Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản: Tổng vốn đầu tư:	
≤ 50 tỷ đồng	7 triệu đồng/1 báo cáo
>50 và ≤ 100 tỷ đồng	9 triệu đồng/1 báo cáo
>100 và ≤ 200 tỷ đồng	15 triệu đồng/1 báo cáo

Nội dung	Mức thu
>200 tỷ đồng	17 triệu đồng/1 báo cáo
Nhóm 5: Dự án giao thông: Tổng vốn đầu tư:	
≤ 50 tỷ đồng	7 triệu đồng/1 báo cáo
>50 và ≤ 100 tỷ đồng	8 triệu đồng/1 báo cáo
>100 và ≤ 200 tỷ đồng	15 triệu đồng/1 báo cáo
>200 tỷ đồng	18 triệu đồng/1 báo cáo
Nhóm 6: Dự án công nghiệp: Tổng vốn đầu tư:	
≤ 50 tỷ đồng	8 triệu đồng/1 báo cáo
>50 và ≤ 100 tỷ đồng	10 triệu đồng/1 báo cáo
>100 và ≤ 200 tỷ đồng	18 triệu đồng/1 báo cáo
>200 tỷ đồng	20 triệu đồng/1 báo cáo
Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc nhóm 1 đến nhóm 6): Tổng vốn đầu tư:	
≤ 50 tỷ đồng	5 triệu đồng/1 báo cáo
>50 và ≤ 100 tỷ đồng	6 triệu đồng/1 báo cáo
>100 và ≤ 200 tỷ đồng	10 triệu đồng/1 báo cáo
>200 tỷ đồng	12 triệu đồng/1 báo cáo

- Mức thu phí thẩm định lại báo cáo ĐTM, đề án bảo vệ môi trường chi tiết đề xuất bằng 50% mức thu phí áp dụng đối với báo cáo đánh giá môi trường chính thức.

- [10]: **PHỤ LỤC 10 - PHÍ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH** *(theo Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Tây Ninh)*

Nội dung thu	Mức thu
1. Đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường thuộc thành phố Tây Ninh	
a) Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất:	
Cấp mới	50.000 đồng/giấy
Cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận	25.000 đồng/lần cấp
b) Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất):	
Cấp mới	25.000 đồng/giấy
Cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận	20.000 đồng/lần cấp
c) Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai	28.000 đồng/1 lần
d) Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	15.000 đồng/1 lần
đ) Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng:	
Cấp mới	30.000 đồng/giấy
Cấp lại, cấp đổi, xác nhận giấy chứng nhận	20.000 đồng/giấy
2. Đối với hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực khác:	
a) Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất:	
Cấp mới	25.000 đồng/giấy
Cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận	12.000 đồng/lần cấp
b) Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất):	

Cấp mới	12.000 đồng/giấy
Cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận	10.000 đồng/lần cấp
c) Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai	10.000 đồng/1 lần
d) Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	7.000 đồng/1 lần
đ) Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng:	
Cấp mới	15.000 đồng/giấy
Cấp lại, cấp đổi, xác nhận giấy chứng nhận	10.000 đồng/giấy
3. Đối với tổ chức:	
a) Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất:	
Cấp mới	300.000 đồng/giấy
Cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận	50.000 đồng/giấy
b) Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất):	
Cấp mới	100.000 đồng/1 giấy
Cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận	50.000 đồng/giấy
c) Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai	30.000 đồng/1 lần
d) Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	30.000 đồng/1 lần
đ) Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng:	
Cấp mới	300.000 đồng/giấy
Cấp lại, cấp đổi, xác nhận giấy chứng nhận	50.000 đồng/giấy

- [11]: **PHỤ LỤC 11 - ĐƠN GIÁ SẢN PHẨM ĐO ĐẠC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH** *(được ban hành theo Quyết định số 2724/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh)*

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên sản phẩm	ĐVT	Tổng cộng đơn giá sp	5% Thuế GTGT	100% đơn giá	40% đơn giá	70% Đơn giá
I	**ĐO VẼ BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH (BẢN ĐỒ ĐO ĐẠC TRỰC TIẾP, ĐO ĐẠC MẶT ĐẤT)**						
1	**Tỷ lệ 1/500**						
1.1	**Loại khó khăn 1**	**ha**	**5,638,759**	**281,938**	**5,920,697**	**2,368,279**	**4,144,488**
	Ngoại nghiệp		4,817,071			-	-
	Nội nghiệp		821,688			-	-
1.2	**Loại khó khăn 2**	**ha**	**6,568,715**	**328,436**	**6,897,151**	**2,758,860**	**4,828,005**
	Ngoại nghiệp		5,700,625			-	-
	Nội nghiệp		868,090			-	-
1.3	**Loại khó khăn 3**	**ha**	**8,055,596**	**402,780**	**8,458,376**	**3,383,351**	**5,920,864**
	Ngoại nghiệp		7,144,181			-	-
	Nội nghiệp		911,415			-	-
1.4	**Loại khó khăn 4**	**ha**	**9,695,619**	**484,781**	**10,180,400**	**4,072,160**	**7,126,280**
	Ngoại nghiệp		8,728,501			-	-
	Nội nghiệp		967,118			-	-

1.5	**Loại khó khăn 5**	**ha**	**11,538,442**	**576,922**	**12,115,364**	**4,846,146**	**8,480,755**
	Ngoại nghiệp		10,503,979			-	-
	Nội nghiệp		1,034,463			-	-
1.6	**Loại khó khăn 6**	**ha**	**13,941,082**	**697,054**	**14,638,136**	**5,855,254**	**10,246,695**
	Ngoại nghiệp		12,828,730			-	-
	Nội nghiệp		1,112,352			-	-
2	**Tỷ lệ 1/1000**					-	-
2.1	**Loại khó khăn 1**	**ha**	**2,023,457**	**101,173**	**2,124,630**	**849,852**	**1,487,241**
	Ngoại nghiệp		1,656,333			-	-
	Nội nghiệp		367,124			-	-
2.2	**Loại khó khăn 2**	**ha**	**2,274,510**	**113,725**	**2,388,235**	**955,294**	**1,671,764**
	Ngoại nghiệp		1,887,241			-	-
	Nội nghiệp		387,269			-	-
2.3	**Loại khó khăn 3**	**ha**	**2,578,037**	**128,902**	**2,706,939**	**1,082,776**	**1,894,858**
	Ngoại nghiệp		2,164,328			-	-
	Nội nghiệp		413,709			-	-

2.4	**Loại khó khăn 4**	**ha**	**3,434,515**	**171,726**	**3,606,241**	**1,442,496**	**2,524,369**
	Ngoại nghiệp		2,988,470			-	-
	Nội nghiệp		446,045			-	-
2.5	**Loại khó khăn 5**	**ha**	**4,257,128**	**212,856**	**4,469,984**	**1,787,994**	**3,128,989**
	Ngoại nghiệp		3,770,636			-	-
	Nội nghiệp		486,492			-	-
2.6	**Loại khó khăn 6**	**ha**	**5,159,293**	**257,965**	**5,417,258**	**2,166,903**	**3,792,080**
	Ngoại nghiệp		4,622,361			-	-
	Nội nghiệp		536,932			-	-
3	**Tỷ lệ 1/2000**					-	-
3.1	**Loại khó khăn 1**	**ha**	**662,068**	**33,103**	**695,171**	**278,068**	**486,620**
	Ngoại nghiệp		512,441			-	-
	Nội nghiệp		149,628			-	-
3.2	**Loại khó khăn 2**	**ha**	**744,384**	**37,219**	**781,603**	**312,641**	**547,122**
	Ngoại nghiệp		585,186			-	-
	Nội nghiệp		159,198			-	-
3.3	**Loại khó khăn 3**	**ha**	**843,154**	**42,158**	**885,312**	**354,125**	**619,719**

	Ngoại nghiệp		672,387			-	-
	Nội nghiệp		170,767			-	-
3.4	**Loại khó khăn 4**	**ha**	**1,030,373**	**51,519**	**1,081,892**	**432,757**	**757,325**
	Ngoại nghiệp		873,331			-	-
	Nội nghiệp		157,042			-	-
3.5	**Loại khó khăn 5**	**ha**	**1,321,063**	**66,053**	**1,387,116**	**554,846**	**970,981**
	Ngoại nghiệp		1,150,170			-	-
	Nội nghiệp		170,893			-	-
3.6	**Loại khó khăn 6**	**ha**	**1,767,077**	**88,354**	**1,855,431**	**742,172**	**1,298,802**
	Ngoại nghiệp		1,578,834			-	-
	Nội nghiệp		188,243			-	-
4	**Tỷ lệ 1/5000**					-	-
4.1	**Loại khó khăn 1**	**ha**	**276,132**	**13,807**	**289,939**	**115,976**	**202,957**
	Ngoại nghiệp		249,321			-	-
	Nội nghiệp		26,811			-	-
4.2	**Loại khó khăn 2**	**ha**	**323,175**	**16,159**	**339,334**	**135,734**	**237,534**
	Ngoại nghiệp		294,112			-	-

	Nội nghiệp		29,063			-	-
4.3	**Loại khó khăn 3**	**ha**	**357,535**	**17,877**	**375,412**	**150,165**	**262,788**
	Ngoại nghiệp		324,892			-	-
	Nội nghiệp		32,643			-	-
4.4	**Loại khó khăn 4**	**ha**	**396,465**	**19,823**	**416,288**	**166,515**	**291,402**
	Ngoại nghiệp		358,990			-	-
	Nội nghiệp		37,476			-	-
II	**TRÍCH ĐO**					-	-
1	**Ngoài đô thị**					-	-
		<100 m2	1,012,869	**50,643**	**1,063,512**	**425,405**	**744,458**
		<300 m2	1,200,250	**60,013**	**1,260,263**	**504,105**	**882,184**
		<500 m2	1,276,215	**63,811**	**1,340,026**	**536,010**	**938,018**
		<1.000 m2	1,559,819	**77,991**	**1,637,810**	**655,124**	**1,146,467**
		<3.000 m2	2,142,218	**107,111**	**2,249,329**	**899,732**	**1,574,530**
		<10.000 m2	3,291,825	**164,591**	**3,456,416**	**1,382,566**	**2,419,491**
2	**Đất đô thị**					-	-
		<100 m2	1,494,824	**74,741**	**1,569,565**	**627,826**	**1,098,696**

		<300 m2	1,773,858	**88,693**	**1,862,551**	**745,020**	**1,303,786**
		<500 m2	1,883,479	**94,174**	**1,977,653**	**791,061**	**1,384,357**
		<1.000 m2	2,302,030	**115,102**	**2,417,132**	**966,853**	**1,691,992**
		<3.000 m2	3,164,045	**158,202**	**3,322,247**	**1,328,899**	**2,325,573**
		<10.000 m2	4,858,179	**242,909**	**5,101,088**	**2,040,435**	**3,570,762**

Cắm mốc ranh đất	Địa hình cấp 1	541,637	27,082	**568,719**
	Địa hình cấp 2	705,552	35,278	**740,830**
	Địa hình cấp 3	874,289	43,714	**918,003**
	Địa hình cấp 4	1,047,301	52,365	**1,099,666**
	Địa hình cấp 5	1,261,151	63,058	**1,324,209**
	Địa hình cấp 6	1,494,828	74,741	**1,569,569**